

BA VỊ THẦN THÀNH HOÀNG MỚI ĐƯỢC SUY TÔN Ở VIỆT NAM

Tóm tắt: *Thờ cúng thần Thành hoàng ở Việt Nam vừa là tín ngưỡng, vừa là đạo lý sống và sự tôn vinh của hậu thế đối với bậc tiền nhân có công với làng xóm, đất nước. Với người dân ở cộng đồng làng xã, vị thần Thành hoàng được coi như một vị thánh. Mỗi làng quê đều có các vị thánh thần của mình: “Trống làng nào làng ấy đánh, Thánh làng nào làng ấy thờ”. Những vị thánh thần đó thường có công với dân, với nước như đánh giặc ngoại xâm, đánh giặc thiên nhiên, khai hoang lập ấp, dạy nghề cho dân, v.v... Bài viết này đề cập đến ba vị thần Thành hoàng mới được suy tôn ở Việt Nam.*

Từ khóa: *thần Thành hoàng, tín ngưỡng Thành hoàng, Alexandre Émile Jean Yersin, Phan Thế Phương, Nguyễn Tạo.*

1. Tiểu sử và công tích ba vị thần Thành hoàng mới được suy tôn ở Việt Nam

1.1. Bác sĩ Alexandre Émile Jean Yersin (1863 - 1943)

Alexandre Émile Jean Yersin là người gốc Pháp, sinh ra và lớn lên tại Thụy Sĩ. Năm 1888, ông bảo vệ thành công luận án tiến sĩ y khoa *Bệnh lao thực nghiệm*, sau đó được nhận làm việc trong Viện Pasteur. Tháng 9/1890, ông sang Viễn Đông với tư cách một bác sĩ hợp đồng cho hãng Vận tải Hàng hải, làm việc trên chiếc tàu thủy chạy dọc bờ biển Việt Nam nối liền Sài Gòn, Nha Trang, Hải Phòng.

Ngày 29/7/1891, A. Yersin đặt chân lên bờ biển Nha Trang. Bị chinh phục bởi cảnh đẹp hữu tình, khí hậu ôn hoà của một vùng đất nhiệt đới, ông quyết định chọn Nha Trang làm quê hương thứ ba, làm việc và sống chết ở đây. Trong suốt hơn 50 năm gắn bó với Việt Nam, A. Yersin đã có những đóng góp đặc biệt xuất sắc. Di sản ông để lại có ý nghĩa rất quan trọng cho khoa học, kinh tế và văn hóa Việt Nam.

* TS., Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh khu vực I.

- Tìm ra vùng đất Đà Lạt:

Vào những năm 1890 - 1894, miền rừng núi dọc dãy Trường Sơn còn là những vùng hoang vu, bí hiểm, chưa được khai khẩn, ngoại trừ các tộc người thiểu số bản địa. Vậy mà một người ngoại quốc như A. Yersin “đơn thương độc mã” dám dấn thân vào miền rừng sâu nước độc, bất chấp mọi khó khăn nguy hiểm đến tính mạng thì thật phi thường.

Sau ba cuộc thám hiểm liên tiếp, ngày 21/6/1893, A. Yersin là người đầu tiên khám phá ra Cao nguyên Lâm Viên. Ông đề xuất chọn vùng đất này làm nơi nghỉ dưỡng. Đề xuất của ông được Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer ghi nhận. Ngày 01/11/1899, vị Toàn quyền này đã ký nghị định thành lập tỉnh Đồng Nai Thượng, với thủ phủ là Djiring và hai trạm hành chính là Tánh Linh và Lâm Viên (Đà Lạt bây giờ). Đó là tiền đề pháp lý đầu tiên cho việc ra đời thành phố Đà Lạt.

- Trồng thành công cây cao su ở Việt Nam:

Năm 1897, Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer thành lập hai trung tâm nghiên cứu thí nghiệm ươm giống cây cao su từ hạt tươi: một đặt ở trạm thực nghiệm Ông Yêm (Bến Cát - Thủ Dầu Một) do E. Raoul, một dược sĩ chuyên nghiên cứu thực vật ở vùng nhiệt đới phụ trách; và một đặt ở Suối Dầu, thuộc Viện Pasteur Nha Trang, do A. Yersin quản lí. Đa số hạt giống cây cao su được ươm nảy mầm, tốt nhanh. Chính A. Yersin là người có tiếng nói quyết định trong việc tham mưu cho Chính phủ Pháp mở rộng diện tích trồng cao su ở Việt Nam.

- Sáng lập hệ thống Viện Pasteur:

Năm 1895, A. Yersin thiết lập ở Nha Trang một phòng thí nghiệm để điều chế huyết thanh trị bệnh dịch hạch. Sau đó, ông vận động Chính phủ Pháp và chính quyền thuộc địa cho nâng các phòng thí nghiệm vi trùng học ở Sài Gòn và Nha Trang lên thành Viện Pasteur Đông Dương. A. Yersin được cử làm Viện trưởng đầu tiên, trông coi cả 2 cơ sở Nha Trang và Sài Gòn, rồi tiếp tục lập thêm chi nhánh ở Hà Nội (năm 1920) và ở Đà Lạt (năm 1936).

- Hiệu trưởng sáng lập Đại học Y khoa Hà Nội:

Năm 1902, Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer ký nghị định thành lập Trường Y khoa Đông Dương, có nhiệm vụ đào tạo thầy thuốc cho toàn xứ với quyết tâm xây dựng một trường y khoa chính quy và hiện đại

ở Đông Dương có quy chế tương tự như Đại học Y khoa Paris. A. Yersin là Hiệu trưởng sáng lập trường. Năm 1904, ông trở về Nha Trang tiếp tục sự nghiệp nghiên cứu khoa học của mình.

- *Dem khoa thú y vào Việt Nam:*

Đông Dương là vùng đất lấy nông nghiệp làm cơ bản. Trâu bò là sức kéo chủ yếu. Nếu trâu bò bị bệnh thì đời sống kinh tế của nông dân bị đe dọa. A. Yersin thấy việc phòng chống dịch bệnh cho trâu bò hết sức quan trọng. Cho nên, ông là người đi đầu trong việc nghiên cứu, giải quyết vấn đề về dịch tễ của trâu bò và đặt nền móng cho công tác thú y ở Việt Nam.

- *Nhập chủng cây quinquina:*

Năm 1914, Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất bùng nổ làm cho nhiều khu vực trên thế giới, trong đó có Việt Nam, thiếu hụt thuốc kí ninh (quinine), loại thuốc duy nhất chữa bệnh sốt rét lúc đó. A. Yersin nhập chủng cây quinquina và trồng thành công loại cây này ở Việt Nam. Từ đó, Viện Pasteur Nha Trang chuyên bào chế thuốc, nghiên cứu bệnh sốt rét, các loại vi trùng, ký sinh trùng gây bệnh cho con người và súc vật.

Ngày 01/3/1943, A. Yersin qua đời tại Nha Trang, hưởng thọ 80 tuổi. Ghi nhớ công lao của A. Yersin, dân làng Tân Xương (nay thuộc xã Suối Cát, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa) đã suy tôn ông làm thần Thành hoàng. Người giữ đình làng Tân Xương giới thiệu: “Hằng năm, chúng tôi đều tổ chức hội đình để tưởng nhớ công ơn bác sĩ A. Yersin đã khai phá vùng đất này. Chúng tôi chọn Ngài làm vị Thành hoàng làng, thờ phượng trong đình và cúng kính Ngài theo phong tục cúng đình ở Việt Nam”⁽¹⁾.

Ngoài đình làng Tân Xương, ở Suối Dầu còn có hai ngôi chùa cũng thờ A. Yersin là chùa Linh Sơn Pháp Ấn và chùa Long Tuyền. Người dân địa phương coi A. Yersin như một vị Bồ tát, lập bàn thờ ông trong khuôn viên hai ngôi chùa này. Nhà sư Trần Bích, trụ trì chùa Long Tuyền cho biết: “Cụ A. Yersin là người có công lớn với Việt Nam nói chung và tỉnh Khánh Hòa nói riêng. Từ đó, nhân dân Suối Dầu có cảm niệm Ngài, nhưng không biết lấy gì để tỏ lòng cung kính, nên mới thỉnh vô chùa để thờ phượng Ngài”⁽²⁾.

1.2. Ông Phan Thế Phương (1934 - 1991)

Ông Phan Thế Phương quê ở xã Phú Dương, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Năm 1959, sau khi tốt nghiệp Đại học Thủy sản

Thượng Hải (Trung Quốc), ông làm giảng viên tại Khoa Thủy sản, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội. Sau khi Khoa Thủy sản tách thành Trường Đại học Thủy sản, ông làm Trưởng phòng Giáo vụ. Năm 1974, ông làm Quyền Hiệu trưởng Trường Trung cấp Thủy sản Trung ương I, Hải Phòng. Năm 1979, ông được đề bạt làm Giám đốc Sở Thủy sản tỉnh Bình Trị Thiên. Từ năm 1983 đến năm 1991, ông là Giám đốc Sở Thủy sản tỉnh Thừa Thiên - Huế.

- Vận động ngư dân định cư:

Hệ thống đầm phá Tam Giang - Cầu Hai là một hệ thủy vực nước lợ lớn nhất Đông Nam Á, diện tích mặt nước gần 22.000 ha, kéo dài gần 70 km dọc ven biển qua 5 huyện của tỉnh Thừa Thiên - Huế gồm Phong Điền, Quảng Điền, Hương Trà, Phú Vang, Phú Lộc. Hệ thủy vực này được chia cắt thành nhiều tiểu vùng theo hướng từ Bắc vào Nam gồm: phá Tam Giang, đầm Sam - Chuồn, đầm Hà Trung - Thủy Tú và đầm Cầu Hai. Trong vùng hiện có 41 xã với khoảng hơn 300.000 người sinh sống phụ thuộc hoàn toàn hoặc một phần vào nguồn lợi thủy sản trên đầm phá, chiếm khoảng hơn 30% dân số tỉnh Thừa Thiên - Huế⁽³⁾.

Trong lịch sử hình thành cư dân vùng đầm phá này đã tồn tại một sự phân hóa xã hội mang tính chất cố hữu giữa hai cộng đồng: một là, cộng đồng thuần nông, nông - ngư định cư trên đất liền; hai là, cộng đồng ngư nghiệp nhỏ du cư trên mặt nước. Cộng đồng thứ hai là những người sống ngoài biên chế của làng xã. Họ luôn phải chấp nhận một cuộc sống thẳm lặng và chịu nhiều thiệt thòi.

Ngày 16/10/1985, cơn bão số 8 có tên quốc tế là Cecil đã tàn phá nhiều nhà cửa, ruộng vườn, tài sản, ghe thuyền của nhân dân Miền Trung, làm chết hơn 800 người vùng phá Tam Giang. Trước tình hình đó, chính quyền tỉnh Bình Trị Thiên chủ trương kiên quyết lập các khu định cư dân vạ chài trên đất liền. Với cương vị Giám đốc Sở Thủy sản, ông Phan Thế Phương nhiều lần đến vùng Quảng Ngạn, Quảng Công ở phá Tam Giang để nghiên cứu cách thức định cư cho bà con. Ông đã bàn với lãnh đạo xã Quảng Công thành lập một khu định cư dân vạ chài. Thế là Thôn 14 ra đời với sự quy tụ của 36 hộ dân chài phiêu dạt vì bão.

- Tổ nghề nuôi tôm:

Định cư thì dễ, nhưng duy trì cuộc sống cho nhân dân mới khó. Làm sao vừa định cư, vừa tổ chức cho nhân dân sống với nghề của mình? Ông

Nguyễn Bình, Chủ tịch xã Quảng Công thời gian đó kể: "Bác Phương kiên trì gặp cán bộ xã chúng tôi, gặp cả dân nữa, dạy chúng tôi cách nuôi tôm trên đầm phá. Thay vì việc đánh bắt ăn sẵn lâu nay, bác đề nghị và hướng dẫn cách nuôi tôm trong hồ. Thời đó không những chúng tôi, mà còn cả tỉnh Bình Trị Thiên, cả Miền Trung có ai biết và nghĩ đến chuyện đem tôm ra nuôi, nhưng vì bác Phương nói hay, nói có lý nên chúng tôi theo... Không những tuần nào cũng về đây, bác Phương còn vào Nam mang ra cho chúng tôi tôm giống. Lúc đầu, chúng tôi nuôi không thành công, bác lại khuyến khích, lại cùng chúng tôi tìm kiếm nguyên nhân thất bại, rồi làm lại. Tôi còn nhớ như in năm 1988, ngày vụ tôm đầu tiên thành công với hơn 2ha hồ tôm, bác Phương đã ôm chầm lấy từng người chúng tôi mà khóc"⁽⁴⁾.

Từ hơn 2ha hồ tôm năm 1988, một năm sau, số diện tích hồ tôm ở Thôn 14, xã Quảng Công tăng lên 20ha. Năm 1989, sau thắng lợi bước đầu ở Thôn 14, ông Phan Thế Phương tổ chức một hội nghị đầu bờ ở xã Quảng Công với sự tham gia của hơn 150 đại biểu đến từ khắp nơi trong tỉnh. Người dân Quảng Công gọi đó là một "Hội nghị Diên Hồng" kinh tế đầm phá! Sau hội nghị đó, ông đã triển khai việc nuôi trồng thủy sản trên quy mô lớn toàn tỉnh: nuôi rau câu, nuôi cua ở Thuận An, Tân Mỹ; nuôi tôm sú ở các xã Phú Lộc, Phú Vang, Phong Điền, Quảng Điền, v.v...

Ngày 6/10/1991, trên đường vào Nam nghiên cứu chuẩn bị con giống cho vụ nuôi trồng thủy sản năm sau, ông Phan Thế Phương đã bị tai nạn ô tô tại tỉnh Bình Thuận và qua đời. Được tin ông mất, hàng ngàn ngư dân từ khắp các đầm tôm trên toàn tỉnh Thừa Thiên - Huế đã đến "chịu tang". Sau đám tang, 3 anh em ruột Phạm Hóa, Phạm Việt, Phạm Dũng và người dân các xã Quảng Công, Quảng Ngạn, nhờ con tôm mà phát đạt, thay mặt cho 20 vạn người dân làm nghề nuôi trên trên phá Tam Giang, lập miếu thờ ông Phan Thế Phương là "Tổ nghề nuôi tôm" của phá Tam Giang. Miếu thờ ông được người dân trong vùng hương khói thường xuyên. Đây cũng là địa chỉ linh thiêng để người dân nuôi tôm trong tỉnh Thừa Thiên - Huế đến bái tạ mỗi khi làm ăn thành công. Còn vào các ngày rằm hay mừng một, ngày giỗ..., ngư dân Quảng Công lại nhang đèn, áo giấy, hoa quả ra miếu cúng ông Tổ nghề nuôi tôm. Gia đình ông Phan Thế Phương gửi tặng một di ảnh của ông để dân làng thờ trong miếu. Tấm ảnh đó được người dân Quảng Công in sao thành nhiều bản để lập bàn thờ tại các hồ tôm, trại giống của mình⁽⁵⁾.

Năm 2003, Chủ tịch nước ký quyết định truy tặng ông Phan Thế Phương danh hiệu “Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới”. Vậy là sau khi “hoá thân” trong lòng dân, ông đã được chính thức “sắc phong”!

1.3. Ông Nguyễn Tạo (1905 - 1994)

Ông Nguyễn Tạo quê ở xã Thái Yên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Năm 18 tuổi, ông trốn nhà đi hoạt động cách mạng; là một trong những thành viên thành lập Đông Dương Cộng sản Liên đoàn, rồi trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày đầu thành lập. Từ đó, ông đi gây dựng cơ sở cách mạng ở nhiều nơi như Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh... Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, ông giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Giám đốc Công an Nam Bộ, Trưởng nha Điệp báo Công an Trung ương, Tổng Cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nông nghiệp Trung ương, v.v...

- Lập làng Thủy Lạc, xã Nam Phú, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình:

Những năm 30 của thế kỷ XX, nhân dân hai làng Thủy Bông, An Lạc của xã Hưng Nhân (nay thuộc huyện Hưng Hà) do thiếu đất canh tác, dân cư đông đúc, lại thêm sưu cao thuế nặng, nên cuộc sống lâm vào cảnh khốn khó. Đúng lúc đó, ông Nguyễn Tạo đến hoạt động ở vùng Hưng Hà, biết cảnh khốn cùng của dân hai làng Thủy Bông và An Lạc đã khuyên họ đi tìm đất để lập làng mới. Năm người đàn ông trong làng là Trần Tiến Dịch, Trần Xuân Sinh, Trần Nguyên Tín, Trần Bá Thọ, Phạm Thế Ri đã theo ông Nguyễn Tạo đến vùng đất mới Tiên Hải, cách Hưng Nhân gần 80km. Rồi họ quyết định đưa dân làng đến đây khẩn hoang, lập làng Thủy Lạc (ghép từ hai cái tên Thủy Bông và An Lạc). Ngày mới lập làng, ông Nguyễn Tạo chu toàn mọi việc: lương thực cho các gia đình để ăn trong sáu tháng, cấp dụng cụ khai hoang; quy hoạch đất đai, đường đi, khu dân cư, cơ sở thờ tự, v.v...

- Xây dựng vườn quốc gia đầu tiên:

Năm 1960, Bộ Nông lâm tách thành nhiều bộ và cơ quan ngang bộ như: Bộ Nông nghiệp, Bộ Nông trường, Tổng cục Thủy sản, Tổng cục Lâm nghiệp. Ông Nguyễn Tạo là thủ trưởng đầu tiên của ngành Lâm nghiệp. Là người tâm huyết với sự nghiệp trồng rừng và bảo vệ rừng, năm 1962, khi ông Hoàng Điền, Cục trưởng Cục Điều tra rừng, báo cáo: nằm giữa 3 tỉnh Ninh Bình - Hoà Bình - Thanh Hoá có khu rừng lạ và quý, ông Nguyễn Tạo đã vào tận nơi xem xét. Trở về, ông đề nghị Chính

phủ thành lập “Vườn Quốc gia” để được bảo vệ và nghiên cứu. Đó chính là Vườn Quốc gia Cúc Phương. Cúc Phương không chỉ là vườn quốc gia đầu tiên của Việt Nam, mà còn là một trong những vườn quốc gia thuộc loại sớm nhất của thế giới!

- Thành lập lực lượng kiểm lâm Việt Nam:

Khi thấy rừng bị chặt hạ bừa bãi, xuất hiện càng ngày nhiều lũ ống, lũ quét, ông Nguyễn Tạo đề nghị thành lập Cục Kiểm lâm. Một số người chỉ trích đề nghị này của ông là “lâm nghiệp chủ nghĩa”: Ở phố đã có công an, nay ông Nguyễn Tạo lại muốn có cả “công an trông rừng”? Nhưng thực tế cho thấy, Cục Kiểm lâm đã đóng vai trò nòng cốt trong việc bảo vệ rừng⁽⁶⁾.

Ông Nguyễn Tạo mất năm 1994. Kể từ lúc vận động lập làng Thủy Lạc đến khi qua đời, tuy chưa một lần trở lại, nhưng người dân địa phương này vẫn ghi nhớ công lao của ông. Dân làng họp bàn và thống nhất làm đơn đề nghị: "Suy tôn cụ Nguyễn Tạo làm Đức Bản cảnh Thành hoàng làng, điện thờ tại đình làng Thủy Lạc xã Nam Phú... để tri ân cụ". Ngày 11/8/2011, dân làng cử đoàn đại biểu lên thắp hương rồi xin được thỉnh chân hương, lập bài vị ông Nguyễn Tạo và rước về đình làng Thủy Lạc để thờ. Tấm bia đặt ở đình làng Thủy Lạc ghi rõ: "Làng suy tôn cố Bộ trưởng Nguyễn Tạo Đức Bản cảnh Thành hoàng, các cụ tiên công Trần Tiến Địch, Trần Xuân Sinh, Trần Nguyên Tín, Trần Bá Thọ, Phạm Thế Ri cùng nhân dân làng Thủy Lạc, tháng 7/2005 (Tân Dậu)"⁽⁷⁾.

2. Đòi điều nhận xét

Thứ nhất, xuất phát từ một quốc gia có truyền thống dựng nước và giữ nước với bề dày lịch sử chống giặc ngoại xâm lâu dài, Việt Nam có rất nhiều anh hùng có công với nhân dân, với đất nước. Họ được người Việt Nam tôn vinh, sùng kính và thần thánh hóa để cầu mong sự phù hộ và che chở cho cá nhân, gia đình và cộng đồng. Đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ kẻ trồng cây” là bản sắc dân tộc, cũng là một biểu hiện của lòng yêu nước.

Thứ hai, với bản tính hiếu hoà, đồng thời do phải đoàn kết chống giặc ngoại xâm và chống chọi với thiên nhiên, người Việt rất dễ tiếp nhận các loại tín ngưỡng, tôn giáo miễn sao các loại hình này hòa đồng với truyền thống văn hóa dân tộc, cũng như tín ngưỡng bản địa. Khổng giáo và Đạo

giáo từ Trung Hoa, Phật giáo từ Ấn Độ truyền vào nước ta rất sớm, tồn tại một cách hòa bình với tín ngưỡng bản địa. Sau này, một số tôn giáo Phương Tây thâm nhập vào Việt Nam, tuy có phần xa lạ với truyền thống văn hóa dân tộc, nhưng vẫn được chấp nhận. Việc một người Phương Tây như A. Yersin được suy tôn làm thần Thành hoàng hay việc đội kèn đồng Công giáo tham gia phục vụ lễ rước bài vị ông Nguyễn Tạo về đình làng Thủy Lạc là những ví dụ sinh động của sự hỗn dung văn hóa tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam.

Thứ ba, cùng với tín ngưỡng vua Hùng, việc thờ cúng tổ tiên và những người có công với làng, với nước đã tạo nên một mối liên kết giữa những thành viên sống trong một cộng đồng lãnh thổ và cộng đồng huyết thống, từ đó hình thành hệ thống tôn giáo dân tộc. Trong mỗi người Việt Nam có hai con người thuộc về hai cộng đồng: dòng máu và lãnh thổ. Đặc biệt là hiện tượng đồng nhất giữa quan hệ huyết thống với quan hệ xã hội thông qua việc đồng nhất các thuật ngữ xưng hô trong dòng họ và ngoài xã hội. Người Việt Nam kéo các mối quan hệ xã hội về quan hệ gia đình, hay ngược lại, mở rộng quan hệ gia đình ra xã hội.

Trong thời đại hiện nay, xu thế toàn cầu hoá tạo nên nguy cơ đồng hoá dân tộc rất cao cho bất cứ tộc người nào, đất nước nào, chứ không riêng Việt Nam. Trong bối cảnh đó, hệ thống tôn giáo dân tộc góp phần khơi lại đạo lý, tình nghĩa cho con người Việt Nam, góp phần không tự đánh mất mình, tạo nên một con đê ngăn chặn xu thế đồng hoá dân tộc⁽⁸⁾.

CHÚ THÍCH:

1. Nguyễn Đình, *Theo ông Năm Yersin lên Suối Dầu*, <http://sgtt.vn>.
2. Nguyễn Đình, *Theo ông Năm Yersin lên Suối Dầu*, <http://sgtt.vn>, bài đã dẫn.
3. Lâm Thị Thu Sứ, *Báo cáo kết quả nghiên cứu phân tích sinh kế có sự tham gia tại xã Vinh Hà, Huyện Phú Vang, Tỉnh Thừa Thiên Huế*, <http://www.crdhue.com.vn>.
4. Tường Minh, *Người giám đốc “hoá thân” trong lòng dân*, <http://www.nhandan.com.vn>.
5. Minh Tâm, *Chuyện ông tổ nghề nuôi tôm ở Phá Tam Giang*, <http://tapchisonghuong.com.vn>.
6. Thanh Sơn - Kiến Quốc, *Ông cán bộ cưỡi xe chở gỗ đi họp Chính phủ*, <http://bee.net.vn>.
7. Nguyễn Hòa, *Làng Thủy Lạc và Thành hoàng Nguyễn Tạo*, <http://www.nhandan.com.vn>.
8. Đặng Nghiêm Vạn, *Giá trị của đạo thờ Tổ*, <http://www.mattran.org.vn>.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Vương Anh, *Ông Năm Yéc-xanh và ngôi chùa Linh Sơn*, <http://www.nhandan.com.vn>.
2. L. Cadière (1997), *Văn hoá và tín ngưỡng truyền thống người Việt*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
3. Nguyễn Thành Chung, *Lên đỉnh Hòn Bà thăm nhà Yersin*, <http://dantri.com.vn>.
4. Nguyễn Đình, *Theo ông Năm Yersin lên Suối Dầu*, trên trang <http://sgtt.vn>.
5. Nguyễn Duy Hinh (1996), *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Nguyễn Hòa, *Làng Thủy Lạc và Thành hoàng Nguyễn Tạo*, <http://www.nhandan.com.vn>.
7. Nguyễn Gia Hùng (2007), *Tín ngưỡng Thành hoàng làng ở tỉnh Bắc Ninh*, Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Tôn giáo, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
8. Nguyễn Văn Huyền, *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam* (2 tập), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội (tập I, 1995; tập II, 1996).
9. Ngô Minh Khôi, *Chuyện anh hùng nuôi tôm Phan Thế Phương*, <http://www.cpv.org.vn>.
10. Ngô Minh Khôi, *Khi "quan" được "dân" thờ!*, <http://tuoitre.vn>.
11. Trường Minh, *Người giám đốc "hoá thân" trong lòng dân*, <http://www.nhandan.com.vn>.
12. Bình Nguyên, *Hành trình theo dấu Bác sĩ Yersin*, <http://sgtt.vn>.
13. Nguyễn Gia Hùng, *Alexandre Yersin, người công dân danh dự của Việt Nam*, <http://honvietquochoc.com.vn>.
14. Tổ Oanh, *Theo dấu Yersin...*, <http://tuoitre.vn>.
15. Thanh Sơn - Kiến Quốc, *Ông cán bộ cưỡi xe chở gỗ đi họp Chính phủ*, <http://bee.net.vn>.
16. Lâm Thị Thu Sừ, *Báo cáo kết quả nghiên cứu phân tích sinh kế có sự tham gia tại xã Vinh Hà, Huyện Phú Vang, Tỉnh Thừa Thiên Huế*, <http://www.crdhue.com.vn>.
17. Minh Tâm, *Chuyện ông tổ nghề nuôi tôm ở Phú Tam Giang*, <http://tapchisonghuong.com.vn>.
18. Phan Chí Thắng, *Một nhà cách mạng được tôn phong làm Thành hoàng làng*, <http://dantri.com.vn>.
19. Ngô Đức Thịnh chủ biên (2001), *Tín ngưỡng và văn hoá tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
20. Nguyễn Ngọc Tiến, *Vị Thành hoàng cách mạng*, <http://hanoimoi.com.vn>.
21. Tạ Chí Đại Trường (2006), *Thần, Người và đất Việt*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
22. Đặng Nghiêm Vạn, *Giá trị của đạo thờ tổ*, <http://www.mattran.org.vn>.
23. Nguyễn Quang Vinh, *Miếu thờ ông giám đốc*, <http://www.laodong.com.vn>.
24. Nguyễn Văn Y, *Bác sĩ Yersin, người đầu tiên tìm ra vùng đất Đà Lạt*, <http://www.dalatdauyeu.org>.

THREE PATRON GODS OF THE VILLAGES HAVE JUST ENSHRINED IN VIETNAM

The worship of the patron god of the villages in Vietnam is both belief, morality and in honour of the old generation who had achievements to contribute the villages and the country. The patron god of the villages have been regarded as a saint for the local residents of the village community. Each village has its own gods, for example, “Drum belongs to the village where will play it, the Saint belongs to the village where will worship”. The gods have to achieve for local residents and nation such as fighting foreign invaders, land reclamation, vocational training, etc. This article refers to three patron gods of the villages who have just enshrined in Vietnam.

Key words: *The patron god of the villages, the patron god of the village beliefs in Vietnam, Alexandre Émile Jean Yersin, Phan Thế Phương, Nguyễn Tạo.*